

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 12 năm 2017
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Tổ - Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H. Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 11/ 01/1992.

Địa chỉ cư trú: xóm N, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phan Xuân T, sinh ngày 10/6/1985.

Địa chỉ cư trú: xóm N, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Nghề nghiệp: làm ruộng(Vắng mặt lần 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phan Xuân T tổ chức cưới vào tháng 3/2010, trước khi cưới anh chị có quá trình tìm hiểu hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán được sự đồng ý của hai gia đình, chứng kiến của bạn bè xóm làng. Trước khi cưới anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp

giấy chứng nhận kết hôn số:15/2010 ngày 13/3/2010. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, trong cuộc sống chung vợ chồng có nhiều bất đồng, bất hòa dẫn đến va chạm với nhau qua lời nói dẫn đến vợ chồng mất tình cảm, sống thiếu tôn trọng nhau. Mâu thuẫn xảy ra liên tục trong cuộc sống chung gây căng thẳng nặng nề nên vợ chồng sống ly thân và cắt đứt các quan hệ từ tháng 11/2011 cho đến nay. Sau khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã được gia đình hai bên tổ chức hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện mà mâu thuẫn xảy ra ngày trầm trọng và sâu sắc hơn. Chị Nguyễn Thị Thu H xác định không còn tình cảm với anh T nữa, hôn nhân giữa anh chị đã thực sự tan rã không thể hàn gắn, chị H đề nghị tòa án giải quyết ly hôn anh Phan Xuân T để ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung Phan Gia B, sinh ngày 10/7/2010. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung của vợ chồng đang được anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, thỉnh thoảng chị có đi lại thăm nom con chung. Nếu ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng vì hiện nay chị đang phải đi làm ăn xa chưa có điều kiện để trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu tòa giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Phan Xuân T không hợp tác để giải quyết vụ án, Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh T để lưu tại hồ sơ vụ án. Nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do chị Nguyễn Thị Thu H cung cấp, xác minh tại địa phương và trình bày của chị Nguyễn Thị Thu H tại đơn khởi kiện và bản tự khai thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cơ bản đúng như chị H đã trình bày.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án như sau :

Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ án đúng qui định tại khoản 1 điều 28 điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của BLTTDS. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán qui định tại Điều 48, Điều 203 của BLTTDS, xác định tư cách người tham gia tố tụng theo qui định tại Điều 68 của BLTTDS. Tiến hành thu thập xác minh chứng cứ theo qui định tại chương VII của BLTTDS, làm tình tiết khách quan của vụ án. Tổ chức mở phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định tại điều 204; 208; 209; 210; 211 của BLTTDS. Đã chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo qui định tại điều 220 của BLTTDS. Thư ký đã thực hiện đúng qui định tại điều 51 của BLTTDS. Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định tại Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng đầy đủ qui định tại điều 70 và điều 71 của BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại Điều 70 và Điều 72 của BLTTDS.

- Về nội dung: Với các tài liệu có trong hồ sơ, thấy rằng yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H đề nghị giải quyết ly hôn và giải quyết nuôi con đối với anh Phan Xuân T là có căn cứ. Căn cứ các Điều 56, 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị H được ly hôn anh T. Giao con chung của vợ chồng cháu Phan Gia B, sinh ngày 10/7/2010 cho anh Phan Xuân T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Thu H.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh chị Nguyễn Thị Thu H, anh Phan Xuân T, yêu cầu anh, chị có mặt tại Tòa án để giải quyết, nhưng anh T không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H có mặt, bị đơn anh Phan Xuân T vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho chị H và anh T. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt có lý do, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phan Xuân T tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 1 và khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phan Xuân T đảm bảo đúng qui định của pháp luật, việc dẫn tới hôn nhân giữa chị H và anh T là hoàn tự nguyện. Trước khi cưới anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 15/2010 ngày 13/3/2010 qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phan Xuân T là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh T đã xảy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không tìm được sự hòa hợp trong hôn nhân, đã cự cãi va chạm với nhau qua lời nói và xử sự thiếu tôn trọng nhau dẫn đến hôn nhân đổ vỡ, vợ chồng hoàn toàn mất hết tình cảm với nhau. Sau khi các bên sống ly thân vợ chồng đều không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ mà đã cắt đứt các quan hệ vợ chồng, không thương yêu quan tâm đến nhau nữa. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng không còn gắn kết, hôn nhân đã thực sự đổ vỡ, tan rã

không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Xuân T là có căn cứ, cần xử chấp nhận yêu cầu của chị.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung của vợ chồng cháu Phan Gia B, sinh ngày 10/7/2010 sinh sống trực tiếp với anh T. Quá trình xác minh tại địa phương thì thấy rằng anh T nuôi con tốt, dạy con ngoan thể hiện người bố có trách nhiệm cao đối với con chung. Do vậy chị H đề nghị giao con chung cho anh T nuôi là đúng, đảm bảo quyền lợi con chung của vợ chồng, nên cần chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Nguyễn Thị Thu H.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của vợ chồng mỗi tháng 800.000 đồng là phù hợp với đạo đức xã hội và pháp luật, cần chấp nhận sự tự nguyện của chị về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ và Điều 56, 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

* Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Phan Xuân T.

* Về quan hệ con chung: Giao cháu Phan Gia B, sinh ngày 10/7/2010 cho anh Phan Xuân T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị Thu H có quyền và nghĩa vụ đi thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thu H về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung như sau: Chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Phan Xuân T mỗi tháng 800.000đ(Tám trăm nghìn đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ tháng 12/2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

* Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm. Nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Ly hôn chị đã nộp theo biên lai số: 0002432 ngày 03/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, Nghệ An. Chị Nguyễn Thị Thu H còn phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc